

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DS-ST
Ngày: 09 – 02 – 2026
“V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hiếu T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ M, sinh năm 1999 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 20, khóm Bà Điều, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Kiều Văn T, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Bà Lê Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Nguyễn Hiếu T và ông Kiều Văn T có hợp đồng mua bán với nội dung ông Nguyễn Hiếu T bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thú y và thủy sản cho ông Kiều Văn T. Tuy nhiên khi ông Nguyễn Hiếu T giao hàng theo đặt hàng cho ông T thì ông T không thực hiện đúng thỏa thuận, không thanh toán tiền khi mua hàng hóa. Đến ngày 20/10/2023 hai bên kết toán công nợ thì ông T còn nợ ông Nguyễn Hiếu T số tiền 234.671.000 đồng. Nay ông Nguyễn Hiếu T yêu cầu ông T và bà Lê

Thị T là vợ ông T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hiếu T số tiền nợ gốc là 234.671.000 đồng và lãi suất chậm trả của số tiền trên tính từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng). Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu riêng ông T phải trả số tiền vốn và lãi tính từ ngày 20/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm, không yêu cầu bà Lê Thị T phải có trách nhiệm liên đới với ông Kiều Văn T trả tiền cho ông Nguyễn Hiếu T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Kiều Văn T và bà Lê Thị T biết về việc ông Nguyễn Hiếu T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 234.671.000 đồng và lãi nhưng ông T, bà T không có ý kiến gì về yêu cầu của ông Nguyễn Hiếu T. Tòa án tiến hành triệu tập ông T, bà T để tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T, bà T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Hiếu T và bị đơn ông Kiều Văn T, bà Lê Thị T là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp giữa các đương sự: Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T trả số tiền vốn 234.671.000 đồng và lãi suất chậm trả của số tiền trên tính từ ngày 20/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm với mức lãi suất 10%/năm, không yêu cầu bà Lê Thị T phải có trách nhiệm liên đới với ông Kiều Văn T trả tiền cho ông Nguyễn Hiếu T do chỉ có ông Kiều Văn T trực tiếp giao dịch với ông Nguyễn Hiếu T, không có liên quan với bà Lê Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch mua bán hàng hóa là thức ăn, thuốc thú y và thủy sản giữa các bên đương sự là có xảy ra trên thực tế và được thể hiện tại “Biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 20/10/2023”. Hai bên đã thống nhất số nợ mà ông Kiều Văn T còn nợ ông Nguyễn Hiếu T số tiền mua thức ăn, thuốc thú y và thủy sản là 234.671.000 đồng. Như vậy giao dịch mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu T và bị đơn ông Kiều Văn T là thực tế có xảy ra và bị đơn ông Kiều Văn T còn thiếu ông Nguyễn Hiếu T tổng số tiền 234.671.000 đồng nhưng chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về phần lãi suất chậm trả, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số tiền 234.671.000 đồng tính từ ngày 20/12/2023 đến ngày 09/02/2026 làm tròn là 02 năm với mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận thời điểm trả tiền tính từ ngày 20/12/2023. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định thời điểm bắt đầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 20/12/2023 theo thỏa thuận tại “Biên bản làm việc về việc xác nhận công nợ và cam kết thanh toán ngày 20/10/2023”. Căn cứ theo quy định tại

Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì ông T phải có trách nhiệm trả lãi chậm trả cho ông Nguyễn Hiếu T lãi suất xác định theo là 10%/năm. Đối với số tiền 234.671.000 đồng từ ngày 20/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/02/2026), nguyên đơn yêu cầu tính lãi làm tròn là 02 năm, số tiền lãi là: 234.671.000 đồng x 10%/năm x 02 năm = 46.934.200 đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Kiều Văn T đã biết việc ông Nguyễn Hiếu T khởi kiện và biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng ông T không có ý kiến phản đối hay đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả số nợ cho ông T hay chưa, nên việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu T, buộc ông Kiều Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hiếu T số tiền còn thiếu là 234.671.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/02/2026) là 46.934.200 đồng, tổng cộng là 281.605.200 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Kiều Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.080.200 đồng (đã làm tròn), ông Nguyễn Hiếu T và bà Lê Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 244, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu T đối với ông Kiều Văn T.

Buộc ông Kiều Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hiếu T số tiền nợ và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/02/2026) tổng cộng là 281.605.200 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm lẻ năm nghìn hai trăm đồng).

Trong trường hợp ông Kiều Văn T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hiếu T đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Lê Thị T phải có trách nhiệm liên đới với ông Kiều Văn T trả nợ cho ông Nguyễn Hiếu T.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Kiều Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.080.200 đồng (Mười bốn triệu không trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Hiếu T và bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự, đã qua ông Nguyễn Hiếu T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003691, ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (do bà Nguyễn Thị Mỹ M nộp thay) được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Hiếu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Kiều Văn T và bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt